

Số: 34/2020/QĐST-KDTM

Thuỷ Nguyên, ngày 21 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Q; địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2 Tòa nhà S, số 111A, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông L, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q (Giấy ủy quyền về việc nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng số 19519.20 ngày 23 tháng 3 năm 2020).

- *Bị đơn*: Anh N, sinh năm 1981 và chị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Chị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 6 năm 2020).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh N và chị H phải trả cho Ngân hàng Q số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 064/HĐTD1-VIB32/10 ngày 28 tháng 01 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 366/HĐTD1-VIB32/11 ngày 13 tháng 5 năm 2011 tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2020 là 175.137.564 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng) bao gồm số tiền nợ lãi trong hạn là 30.478.540 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi đồng) và số tiền nợ lãi quá hạn là 144.659.024 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu

sáu trăm năm mươi chín nghìn không trăm hai mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 064/HĐTD1-VIB32/10 ngày 28 tháng 01 năm 2010 là 23.406.456 đồng bao gồm số tiền nợ lãi trong hạn là 3.191.162 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 20.215.294 đồng; số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 366/HĐTD1-VIB32/11 ngày 13 tháng 5 năm 2011 là 151.731.108 đồng bao gồm số tiền nợ lãi trong hạn là 27.287.378 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 124.443.730 đồng.

Phương án trả nợ cụ thể như sau: Trong thời hạn 06 tháng kể từ tháng 8 năm 2020 đến hết tháng 01 năm 2021 anh N và chị H phải trả hết số tiền nợ là 175.137.564 đồng bao gồm số tiền nợ lãi trong hạn là 30.478.540 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 144.659.024 đồng cho Ngân hàng Q. Hết thời hạn 06 tháng mà anh N và chị H không trả hết số tiền nợ bao gồm số tiền nợ lãi trong hạn và số tiền nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số 064/HĐTD1-VIB32/10 ngày 28 tháng 01 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 366/HĐTD1-VIB32/11 ngày 13 tháng 5 năm 2011 cho Ngân hàng Q thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 346 m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1115A tờ bản đồ số 02 tại thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 211422 do Ủy ban nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 12 năm 2009 cho chủ sử dụng là ông N và vợ là H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (của khách hàng) số 064/2010/BĐ ngày 28 tháng 01 năm 2010 và phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 5 năm 2011 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí: Anh N và chị H nộp cả 4.378.439 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000975 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền

